

NHÌN LẠI TÁC ĐỘNG CỦA QUAN HỆ ASEAN – TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI QUAN HỆ VIỆT – TRUNG VỀ TRANH CHẤP CHỦ QUYỀN TRÊN BIỂN GIAI ĐOẠN 1991 – 2003

Trương Công Vĩnh Khanh*, Phạm Phúc Vĩnh**

Title: Overview the impact of relations ASEAN - China relations for Vietnam - China on sovereignty at sea dispute the period 1991 - 2003

Từ khóa: ASEAN – Trung Quốc, Việt – Trung, tác động, tranh chấp chủ quyền, biển Đông, quan hệ.

Keywords: ASEAN – China, Vietnam – China, impact, sovereignty dispute, East Sea, relations.

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 09/09/2016;

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 10/10/2016;

Ngày chấp nhận đăng bài: 05/01/2017

Tác giả:

* ThS., trường Đại học Đồng Tháp

** TS., trường Đại học Sài Gòn

vinhkanhdhdt@gmail.com

TÓM TẮT

Bài viết nêu bật khái quát vị trí chiến lược của biển Đông đối với Trung Quốc và các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á; khái quát quan hệ ASEAN – Trung Quốc về tranh chấp chủ quyền trên biển giai đoạn 1991 – 2003. Trên cơ sở đó tác giả phân tích tác động hai chiều từ quan hệ ASEAN – Trung Quốc đối với quan hệ Việt – Trung về tranh chấp chủ quyền trên biển.

ABSTRACT

Essential article highlights the strategic position of the East Sea to China and countries in Southeast Asia; Essential ASEAN relations - China on maritime sovereignty disputes from 1991 - 2003. On that basis, the authors analyze the impact bilateral relations from the ASEAN - China relations Vietnam - China dispute maritime sovereignty.

1. Đặt vấn đề

Năm 1991 là năm mở ra thời kỳ bình thường hoá quan hệ ASEAN – Trung Quốc. Sau 13 năm kể từ khi quan hệ ASEAN – Trung Quốc được bình thường hoá đến năm 2003 quan hệ này đã chuyển thêm một bước phát triển mới bằng việc ký kết Hiệp định đối tác chiến lược giữa ASEAN – Trung Quốc. Có thể nói, trong suốt giai đoạn này, những nhân tố tích cực trong quan hệ ASEAN – Trung Quốc đã tác động sâu rộng đến quá trình tham gia hợp tác giữa các nước thành viên ASEAN với Trung Quốc trên đa phương diện. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với các nước ASEAN được đánh giá là giai đoạn tìm kiếm các lợi ích kinh tế để duy trì mối quan hệ chính trị - ngoại giao cũng như tranh chấp chủ quyền trên biển từ hai phía. Tuy nhiên, từ khi

hai bên bình thường hoá đến nay, Trung Quốc và ASEAN vẫn chưa tìm ra tiếng nói chung trong việc tìm kiếm các giải pháp tranh chấp trên biển theo tinh thần Tuyên bố ứng xử của các bên về biển Đông (DOC) năm 2002 và Công ước Liên hiệp quốc về Luật biển (UNCLOS) năm 1982. Từ những nhân tố trên, chúng tôi cho rằng, bức tranh toàn diện về tranh chấp chủ quyền trên biển thông qua tác động từ quan hệ ASEAN – Trung Quốc đối với quan hệ Việt – Trung giai đoạn 1991 – 2003 vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có giá trị thực tiễn góp phần nhận thức đúng vị trí của ASEAN trong quan hệ với Trung Quốc, thông qua đó giúp người nghiên cứu có cái nhìn khách quan và trung thực về chính sách đối ngoại đầy biến hoá của Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI.

2. Nội dung

2.1. Vị trí chiến lược của biển Đông đối với Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á

Biển Đông là một biển rìa lục địa (*marginal sea*), một phần của Thái Bình Dương, bao phủ một diện tích từ Singapore tới eo biển Đài Loan với diện tích ước lượng khoảng 3.500.000km². Đây là vùng biển lớn thứ hai sau năm đại dương và biển Ả Rập. Vùng biển này và phần lớn các đảo không có người ở của nó là mục tiêu tranh chấp chủ quyền của nhiều quốc gia xung quanh, bao gồm các tranh chấp về đảo và vùng biển trong đó đáng quan tâm nhất là quá trình xác lập chủ quyền của các quốc gia trên 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa (Việt Nam). Quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa là hai quần đảo trên các rạn san hô ở biển Đông, trong đó quần đảo Hoàng Sa đang là nơi tranh chấp chủ quyền giữa Việt Nam, Trung Quốc và Đài Loan. Quần đảo Hoàng Sa là nơi tranh chấp chủ quyền của 6 quốc gia và lãnh thổ: Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Philippines, Malaysia và Brunei, trong đó quần đảo Natuna do Indonesia tuyên bố chủ quyền cũng đang bị Trung Quốc tranh chấp.

Diễn tiến của quá trình tranh chấp chủ quyền trên biển luôn là điểm nóng trong các diễn đàn, hội nghị mang tính khu vực và quốc tế như Hội nghị thượng đỉnh ASEAN, Diễn đàn an ninh khu vực (ARF), các hội thảo quốc tế về biển Đông và các hội nghị thượng đỉnh giữa ASEAN với các đối tác chiến lược trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hiện nay biển Đông còn nằm trong mục tiêu chiến lược lâu dài đối với các nước lớn vì đây là khu vực có nhiều eo biển mang tính chiến lược bậc nhất của khu vực và có nhiều cảng biển quan trọng cho mục đích thương mại và an ninh - quốc phòng như cảng Cam Ranh (Việt Nam), Du Lâm, Hoàng Phố (Trung Quốc).

Về mặt kinh tế, đây là vùng biển có ý nghĩa kinh tế to lớn, án ngữ trên các tuyến đường hàng hải huyết mạch, thông thương giữa châu Á với Thái Bình Dương; giữa châu Âu, châu Phi, Trung Cận Đông với Trung Quốc, Nhật Bản và các nước Đông Nam Á, Đông Bắc Á. Bên cạnh

đó, "biển Đông còn được biết đến như một mỏ dầu khổng lồ, hiện tại các mỏ khai thác dầu trong khu vực đạt khoảng 2,5 triệu thùng/ngày. Trữ lượng dầu ở khu vực Hoàng Sa và Trường Sa có thể đạt tới 105 tỉ thùng dầu/ngày và toàn bộ biển Đông là 213 tỉ thùng" (Saw Swee Hock - Sheng Lijun - Chin Kin Wah, 2005, tr.415). Các chuyên gia Mỹ cho rằng: "Nếu bố trí được tàu ngầm hạt nhân tại khu vực quần đảo Trường Sa thì có thể kiểm soát được một địa bàn có bán kính 4.000km và 1/5 dân số thế giới. Điều này cho thấy, nếu ai kiểm soát được vùng biển này sẽ nắm được con bài chiến lược trong khu vực" (Lê Tuấn Thanh, 2007, tr.119-120). Hàng năm, chi phí quốc phòng cho việc tham gia vào tranh chấp biển Đông của các nước tăng đáng kể, đặc biệt là các quốc gia đang trong quá trình tranh chấp chủ quyền trên biển Đông.

2.2. Khái quát quan hệ ASEAN - Trung Quốc về tranh chấp chủ quyền trên biển giai đoạn 1991 - 2003

Từ những năm cuối thập niên 90 của thế kỉ XX, tranh chấp chủ quyền trên biển giữa Trung Quốc và các nước ASEAN như Việt Nam, Malaysia, Philippines có chiều hướng giảm xuống đáng kể do sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của ASEAN, Trung Quốc. ASEAN muốn bày tỏ sự liên kết khu vực thành một tổ chức hợp nhất, không phân biệt chế độ chính trị; Trung Quốc có chiều hướng xích lại gần các quốc gia Đông Nam Á trong chính sách đối ngoại thân ASEAN của Đặng Tiểu Bình. Chính vì thế, đầu thập niên 90 Trung Quốc và các nước trong khu vực Đông Nam Á đều muốn bày tỏ ý chí và nguyện vọng giải quyết các tranh chấp về chủ quyền trên biển bằng các biện pháp hòa bình, thương lượng để quan hệ ASEAN - Trung Quốc ngày một tốt đẹp. Trong giai đoạn này, cả ASEAN lẫn Trung Quốc đều đã tổ chức nhiều hội nghị và cũng thông qua nhiều tuyên bố chung về tranh chấp chủ quyền trên biển.

Bước sang đầu thập niên 90 thế kỉ XX, Trung Quốc thực hiện đường lối đối ngoại "tăng cường hợp tác hữu nghị láng giềng với các nước xung quanh", cùng với việc ASEAN xác định Trung Quốc là "đối tác tham khảo" đã

kéo theo vấn đề tranh chấp trên biển trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc có phần giảm bớt căng thẳng. Ngày 22/7/1992, Tuyên bố về biển Đông của các nước ASEAN ra đời (1992) đã làm cho Trung Quốc tỏ thái độ mềm dẻo hơn về tranh chấp trên biển đối với các nước trong khu vực, nhất là đối với các nước ASEAN. Tuyên bố khẳng định: *“Mỗi diễn biến có tính chất thù địch trong biển Đông đều ảnh hưởng trực tiếp đến hòa bình và ổn định trong khu vực”* và *“nhấn mạnh sự cần thiết phải giải quyết bằng biện pháp hòa bình, không dùng vũ lực đối với mọi vấn đề về chủ quyền và đòi hỏi chủ quyền liên quan đến biển Đông. Yêu cầu tất cả các bên đương sự kiềm chế nhằm tạo môi trường thuận lợi có thể giải quyết tận gốc mọi cuộc tranh chấp”* (Thông tấn xã Việt Nam, 1992, tr.1). Sau khi Tuyên bố ASEAN về biển Đông được đưa ra, Trung Quốc đã tỏ thái độ ôn hòa hơn trong việc tranh chấp chủ quyền trên biển đối với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Tuyên bố của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Tiền Kỳ Tham ngày 21/7/1992 khẳng định: *“Trung Quốc đang tập trung đầu tư xây dựng kinh tế, đẩy nhanh cải cách mở cửa, cần có môi trường quốc tế hòa bình, ổn định lâu dài. Các nước có tồn tại tranh chấp trong vấn đề Nam Sa (Trường Sa) đều là láng giềng hữu nghị của Trung Quốc. Trung Quốc coi trọng quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước này, không muốn thấy vì có tồn tại bất đồng mà xảy ra xung đột, ảnh hưởng tới sự phát triển quan hệ hữu nghị giữa các nước vì hòa bình, ổn định trong khu vực”* (Lê Tuấn Thanh, 2007, tr.2).

Tại hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 26 họp ở Singapore (8/1993), Phó Thủ tướng, kiêm Bộ trưởng Bộ ngoại giao Trung Quốc, Tiếm Kỳ Tham khẳng định rằng Trung Quốc không phải là mối đe dọa đối với ASEAN. Từ năm 1994, Trung Quốc bắt đầu tham gia Diễn đàn ARF và sau đó hợp tham vấn cấp cao ASEAN - Trung Quốc lần đầu tiên. Năm 1996, Trung Quốc trở thành đối tác toàn diện của ASEAN. Tháng 12/1997, các nhà lãnh đạo của ASEAN và Trung Quốc đã có cuộc gặp thượng đỉnh không chính thức đầu tiên và ra *“Tuyên bố chung xây dựng quan hệ đối tác láng giềng thân thiện và tin cậy lẫn nhau hướng tới*

thế kỷ XXI” tạo khung và lộ trình cho mối quan hệ toàn diện giữa hai bên. Cùng với hoạt động trên, ASEAN và Trung Quốc cũng xúc tiến thảo luận về các vấn đề do lịch sử để lại trong quan hệ giữa hai bên đặc biệt là vấn đề biển Đông, nơi đang diễn ra tranh chấp chủ quyền giữa Trung Quốc và 4 nước Đông Nam Á (bao gồm Việt Nam, Philippines, Malaysia, Brunei) và Đài Loan.

Vào thời gian này, quan hệ chính trị giữa Trung Quốc và ASEAN đang trở nên căng thẳng do các hoạt động của Trung Quốc ở biển Đông. Đầu năm 1992, Trung Quốc đã công bố luật lãnh thổ mới, theo đó 3/4 lãnh thổ biển Đông sẽ được gộp vào lãnh thổ của Trung Quốc. Tiếp đó, vào năm 1994, Trung Quốc chiếm thêm một số bãi ngầm ở quần đảo Trường Sa và đầu năm 1995, chiếm đảo san hô Vành Khăn, nơi Philippines tuyên bố chủ quyền. Chính nhân tố này, đã gián tiếp gây trở ngại trong quá trình tìm kiếm giải pháp hoà bình trên biển giữa các nước có tranh chấp chủ quyền trên biển với Trung Quốc.

Năm 1996, nhằm ổn định và phát triển quan hệ với ASEAN, Trung Quốc đã đề ra phương châm 24 chữ chỉ đạo nguyên tắc chiến lược trong quan hệ với ASEAN: *“Xoá bỏ hoài nghi, tăng thêm tin cậy, mở rộng điểm đồng, tăng cường hợp tác, thúc đẩy hợp tác, cùng nhau phát triển”*. Thực hiện những nguyên tắc chỉ đạo đó, Trung Quốc đã có nhiều cố gắng nhằm củng cố và tăng cường niềm tin với các nước ASEAN. Tại cuộc đối thoại đầu tiên với ASEAN tháng 4/1997, Trung Quốc đã đồng ý đưa vấn đề tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông thành vấn đề đã được hai bên thoả thuận.

Từ năm 1997, quan hệ ASEAN - Trung Quốc có sự chuyển biến tích cực hơn trong việc tìm kiếm giải pháp hoà bình cho các vấn đề tranh chấp trên biển. Cụ thể, năm 1997, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Trung Quốc Trì Hạo Điền đã thăm chính thức Philippines, Indonesia để hội đàm với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng các nước chủ nhà về vấn đề hợp tác trên lĩnh vực quân sự. Ngày 17/4/1997, Trung Quốc và ASEAN đã tổ chức Hội nghị đối thoại

về vấn đề tranh chấp chủ quyền vùng biển và hải đảo ở biển Đông, được tổ chức tại tỉnh An Huy (Trung Quốc). Đây được xem là hội nghị đề cập nhiều nhất về các vấn đề tranh chấp chủ quyền trên biển mang tính chất đa phương từ khi Trung Quốc và ASEAN chính thức bình thường hoá quan hệ. Hội nghị đánh dấu sự cởi mở hợp tác về các vấn đề nhạy cảm trong khu vực, là cơ hội cho việc xây dựng lòng tin chiến lược ASEAN – Trung Quốc năm 2003. Lần đầu tiên trong hơn một thập kỉ các vấn đề về chủ quyền lãnh hải, tài nguyên cũng đã được đưa ra bàn luận trong hội nghị.

Với sự cởi mở trong quan hệ ASEAN – Trung Quốc, các nước ASEAN cũng thể hiện một vai trò rất tích cực đối với vấn đề chủ quyền trên biển. Sau “sự kiện Vành Khăn”, Việt Nam và Philippines đã sáng kiến việc thúc đẩy xây dựng một “Bộ Quy tắc ứng xử của các bên ở biển Đông” (COC). *“COC được coi là những bước đi đầu tiên, đặt nền móng cho sự hợp tác, giải quyết hòa bình các tranh chấp trong tương lai. Tháng 11/1995, Việt Nam đã kí với Philippines tám nguyên tắc ứng xử biển Đông. Năm 1996, trong đàm phán biển Đông với Trung Quốc, Việt Nam đã đưa ra đề nghị thông qua một Bộ Quy tắc ứng xử tương tự nhằm tìm kiếm giải pháp tranh chấp có lợi cho Việt Nam, tránh nguy cơ bùng nổ của Trung Quốc trên biển”* (Nhóm tác giả, 1989, tr. 119).

Tháng 3/2000, tại Hun Hin (Thái Lan), các quan chức cấp cao ASEAN - Trung Quốc đã có cuộc hội đàm thảo luận cùng nhau xây dựng “Bộ Quy tắc ứng xử biển Đông”. Hội nghị đã mở ra nhiều giải pháp cho quá trình giải quyết các tranh chấp. Năm 2002, ASEAN và Trung Quốc đã cùng nhau kí kết Tuyên bố chung về cách ứng xử biển Đông làm nền tảng cho việc giải quyết các vấn đề an ninh, tranh chấp trong khu vực về biển và chủ quyền. Bộ quy tắc chung được ký kết đánh dấu bước chuyển mình tích cực cho giải pháp tìm kiếm sự đồng thuận của ASEAN với Trung Quốc, mở ra giai đoạn thiết lập quan hệ hợp tác chung trong các vấn đề an ninh hàng hải, khai thác, đánh bắt, lãnh hải và thềm lục địa.

2.3. Tác động của quan hệ ASEAN - Trung Quốc đối với quan hệ Việt - Trung về tranh chấp trên biển giai đoạn 1991 - 2003

Từ năm 1992 - 1994, những tác động tích cực trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc thúc đẩy sự “nồng ấm” cho quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao, đồng thời làm dịu bớt tình hình căng thẳng về tranh chấp chủ quyền trên biển giữa hai nước. Thời điểm Trung Quốc tăng cường quan hệ với các nước ASEAN, buộc Trung Quốc cũng tỏ thái độ mềm dẻo hơn về tranh chấp chủ quyền trên biển với Việt Nam. Sau chuyến thăm của Thủ tướng Lý Bằng (11/1992), Trung Quốc giảm bớt căng thẳng, xung đột và mở thêm kênh đối thoại với Việt Nam về chủ quyền trên biển. Ngày 19/10/1993, đại diện của Chính phủ hai nước, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Vũ Khoan và Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Đường Gia Triền đã ký *“Thoả thuận về nguyên tắc cơ bản giải quyết các vấn đề biên giới lãnh thổ giữa Việt Nam và Trung Quốc”*. Đối với vấn đề biển Đông, hai bên thoả thuận *“đồng thời với việc tiếp tục đàm phán để đi đến một giải pháp cơ bản, lâu dài thì hai bên không tiến hành các hoạt động làm phức tạp thêm, không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực”* (Trần Văn Độ, 2002, tr.176).

Đối với Việt Nam, kể từ năm 1995, *“với tư cách là thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), Việt Nam đã tích cực ủng hộ Trung Quốc trở thành bên đối thoại chính thức của Diễn đàn ARF. Ngược lại, với cương vị là thành viên có tiếng nói quan trọng trong tổ chức hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Trung Quốc cũng tích cực ủng hộ Việt Nam gia nhập tổ chức trên”* (Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn, 2002, tr.147). Với tư cách là một nước thành viên của ASEAN và là nước liên quan trực tiếp đến những tranh chấp trên biển, Việt Nam đã hưởng được những lợi thế nhất định trong việc tranh thủ vai trò của ASEAN để kiềm chế Trung Quốc. Việt Nam giữ vững lập trường cứng rắn trong việc giải quyết những vấn đề bất đồng với Trung Quốc và Việt Nam sẽ có thêm vị thế mới để đấu tranh một cách bình đẳng, hiệu quả hơn trong quan hệ với Trung Quốc.

Với hai sự kiện trọng điểm là Việt Nam gia nhập ASEAN (1995); các nước ASEAN công nhận Trung Quốc là bên đối thoại chính thức của ARF (1996), Việt Nam đã tranh thủ được vai trò của ASEAN để đấu tranh với Trung Quốc, đặc biệt là trong Diễn đàn ARF. Sau khi được công nhận là bên đối thoại chính thức của ARF, Trung Quốc đã giảm bớt các cuộc “tranh chấp nóng” trên biển với Việt Nam. Trung Quốc đã thoả thuận với Việt Nam là “*sẽ căn cứ vào luật quốc tế, bao gồm Công ước về luật Biển 1982 của Liên Hiệp Quốc để tiến hành đàm phán về vấn đề trên biển nhằm tìm kiếm các giải pháp lâu dài theo tinh thần hữu nghị, chân thành, thẳng thắn, cầu thị và tôn trọng lẫn nhau*” (Phạm Phúc Vĩnh, 2010, tr.45).

Việc thông qua Bộ Quy tắc ứng xử biển Đông đã tạo điều kiện thúc đẩy hoà bình và ổn định cho khu vực, làm giảm bớt tính chất căng thẳng về tranh chấp chủ quyền trên biển trong quan hệ Việt Nam – Trung Quốc. Từ khi Tuyên bố này ra đời, “*với sự tác động của chính sách đối ngoại và hoạt động ngoại giao, nhiều dự án nghiên cứu, hợp tác, hiệp định thoả thuận về phát triển kinh tế biển đã được kí kết giữa Việt Nam và các nước, các tổ chức quốc tế*” (Nguyễn Hồng Thao, 2008, tr.102). Trong đó có sự hợp tác khai thác giữa Tổng Công ty Dầu khí Petro Việt Nam với Tổng Công ty Dầu khí Quốc gia Trung Quốc trong việc tiến hành thăm dò địa chấn chung tại vùng xác định ở quần đảo Trường Sa. Những kết quả đạt được giữa ASEAN và Trung Quốc trên biển là điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho Việt Nam đàm phán song phương với Trung Quốc để giải quyết các vấn đề liên quan đến biển Đông.

Tuy nhiên, với chiều hướng tích cực trên, thực chất quan hệ ASEAN – Trung Quốc vẫn chưa thể đi đến tìm kiếm giải pháp tích cực cho hợp tác hai bên về tranh chấp chủ quyền trên biển. Với chính sách đối ngoại đầy biến hóa của Trung Quốc đầu thế kỉ XXI, quan hệ ASEAN – Trung Quốc chưa đi sâu giải quyết các bất đồng của các nước thành viên ASEAN với Trung Quốc về tranh chấp chủ quyền trên biển. Những hạn chế đó xuất phát từ các lợi ích trên biển Trung Quốc. “*Chính sách bành trướng*” trong quan hệ đối ngoại nước lớn của Trung Quốc gây trở ngại trong việc xây dựng lòng tin và đi đến tìm kiếm các giải pháp bảo vệ chủ

quyền biển, đảo của các nước trong khu vực. Đáng quan ngại nhất là việc Trung Quốc có những tuyên bố chủ quyền ở biển Đông trái ngược với lợi ích của các nước ASEAN, UNCLOS, trong đó có hoạt động chiếm đóng trái phép 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Giai đoạn 1991 - 2003, Trung Quốc vẫn kiên trì khẳng định quyền sở hữu đối với toàn bộ biển Đông. Giang Trạch Dân đã nói khi tham dự lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Liên Hiệp Quốc: “*Biển Nam Trung Hoa (biển Đông) thuộc lãnh thổ của Trung Quốc là điều không thể tranh cãi*”. Tuyên bố đó chứng tỏ rằng, Trung Quốc sẽ không từ bỏ tham vọng bành trướng toàn bộ vùng biển Đông. Mặc dù chủ trương tạm gác các tranh chấp chủ quyền đối với các nước để cùng nhau hợp tác, khai thác, nhưng thực tế Trung Quốc đang thực hiện “*chính sách gặm nhấm*” dần biển Đông.

Năm 1992, khi Tuyên bố ASEAN về biển Đông được thông qua, Trung Quốc có phần giảm bớt các tranh chấp nhưng chỉ đối với các nước ASEAN. Trung Quốc vẫn tiếp tục tranh chấp trên các vùng lãnh thổ, lãnh hải Việt Nam đang không có tranh chấp với các nước trong khu vực, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Cụ thể “*ngày 25 tháng 2 năm 1992, Hội nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội Trung Quốc đã thông qua Luật Lãnh hải và phụ cận nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Trong đó, Điều 2 của Luật này xác định hai quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa) và Nam Sa (Trường Sa) thuộc lãnh thổ của Trung Quốc*” (Phạm Phúc Vĩnh, 2010, tr.78). Trung Quốc còn tiến tới việc thực hiện các chương trình hợp tác, thăm dò và khai thác dầu khí, ngày 08 tháng 5 năm 1992 Trung Quốc đã kí với công ty năng lượng Crestone của Mỹ hợp đồng thăm dò dầu khí trên diện tích 25.000km² thuộc bãi ngầm Tư Chính trên thềm lục địa và vùng đặc khu kinh tế của Việt Nam thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hơn thế nữa, Trung Quốc đã can thiệp bằng sức mạnh quân sự trên vùng biển này. Cụ thể, vào ngày 8/2/1995, sau khi Philippines phát hiện sự xâm nhập của lực lượng Trung Quốc trên bãi Vành Khăn (Mischief Reef), khu vực Kalayan - một bộ phận lãnh thổ của Philippines, xung đột hai bên đã nổ ra. Đây có

lẽ là lần đầu tiên Trung Quốc trực tiếp xung đột với một thành viên ASEAN về tranh chấp trên biển, sự xung đột này đã làm căng thẳng tình hình an ninh - chính trị trong khu vực Đông Nam Á và làm xấu đi quan hệ ASEAN - Trung Quốc. Những hành động của Trung Quốc trong giai đoạn này chưa ảnh hưởng sâu sắc đến quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, vì Việt Nam chưa là thành viên trong tổ chức ASEAN, nhưng cần thấy rằng động thái của Trung Quốc đối với Philippines sẽ là dấu hiệu bất lợi cho việc tìm kiếm các giải pháp tranh chấp hoà bình trên biển cho cả hai bên.

Việc Trung Quốc xúc tiến quá trình bành trướng chủ quyền trên biển xét trên yếu tố khách quan là do giai đoạn trước năm 1995 ASEAN bị "thụ động" trong lập trường, quan điểm trên biển do sự phân chia về ý thức hệ trong khu vực Đông Nam Á và sự bất đồng trong chính quan hệ giữa các nước trong tổ chức ASEAN và các quốc gia chưa là thành viên ASEAN. Nói cách khác, ASEAN chưa có một biện pháp mạnh mẽ đối với tham vọng ngày càng lớn của Trung Quốc trên biển. Chỉ sau sự kiện Trung Quốc sử dụng vũ lực đối với Philippines để chiếm toàn bộ bãi Vành Khăn vào tháng 1/1999, ASEAN mới bắt đầu kêu gọi xây dựng Bộ Quy tắc nhằm ngăn ngừa việc sử dụng vũ lực để giải quyết tranh chấp trên biển, đưa tranh chấp này trở thành một sự kiện tranh chấp đa phương của tổ chức, tranh thủ sự ủng hộ của các thành viên ASEAN để tạo sức mạnh trong khu vực, làm giảm bớt sự leo thang của Trung Quốc nhưng vẫn không thể đủ sức làm cho Trung Quốc ngừng hẳn việc tranh chấp trên biển.

Giai đoạn từ năm 1997 - 2003, các nước ASEAN nỗ lực tăng cường hợp tác nội khối, tìm tiếng nói chung về tranh chấp trên biển với Trung Quốc như xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở biển Đông năm 2000, Tuyên bố của các bên liên quan về vấn đề biển Đông năm 2002, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc năm 2003 với mục đích tìm kiếm các giải pháp hoà bình trên biển cho khu vực. Tuy nhiên, những nỗ lực đó vẫn không thể làm xoa dịu tình hình căng thẳng trên biển, có phần làm phương hại đến lợi ích chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc. Ngày 07/3/1997, Trung Quốc tiếp tục gây căng

thẳng khi đưa dàn khoan Katan 3 cùng với hai tàu kéo 206 và 208 vào thăm dò trên thềm lục địa Việt Nam có toạ độ là 17°13'45" vĩ Bắc và 108°39'30" kinh Đông, cách điểm gần nhất đường cơ sở lãnh hải Việt Nam 55 hải lý và cách điểm gần nhất của đảo Hải Nam 71 hải lý. Bất chấp công luận quốc tế và sự phản đối mạnh mẽ của Việt Nam, Trung Quốc vẫn tiếp tục duy trì dàn khoan Katan 3, đến tháng 4/1997 mới rút lui. Giữa năm 1998, tiếp tục bất chấp luật quốc tế và những thoả thuận giữa hai nước, Trung Quốc đã liên tiếp vi phạm nghiêm trọng chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Ngày 26/6/1998, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã ký sắc lệnh số 6 công bố Luật về vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Ngày 26/3/1999, Trung Quốc ngang nhiên tuyên bố cấm đánh bắt cá tại khu vực biển Đông từ ngày 1/6 đến ngày 31/7/1999.

Các hành động tranh chấp của Trung Quốc ở biển Đông chứng tỏ Tuyên bố về cách ứng xử biển Đông giữa ASEAN - Trung Quốc không có giá trị trong việc giải quyết tranh chấp chủ quyền trên biển. Ngay khi Tuyên bố này đưa ra, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc đã tuyên bố thẳng thừng rằng văn bản này không liên quan đến những tranh chấp chủ quyền trên biển Đông. Trung Quốc vẫn chủ trương kiên trì bảo vệ những đòi hỏi chủ quyền riêng của mình đối với biển Đông. Việt Nam muốn xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở biển Đông áp dụng cho tất cả hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa nhưng Bộ Quy tắc này thực chất không có giá trị pháp lý để buộc Trung Quốc giảm bớt các tranh chấp trên biển Đông. Theo đó, Trung Quốc cho rằng mình có chủ quyền toàn bộ vùng biển này và phạm vi điều chỉnh của Bộ Quy tắc này chỉ giới hạn trong quần đảo Trường Sa mà thôi". Đối với Hoàng Sa, Cố vấn về vấn đề châu Á của Bộ Ngoại giao Trung Quốc đã phát biểu trong khi đưa ra dự thảo về bộ luật trên rằng "*Bắc Kinh có chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, bất chấp đòi hỏi về chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam và không có lý do gì để thảo luận về vấn đề này*" (Trần Văn Độ, 2002, tr.239).

Khi Bộ Quy tắc ứng xử biển Đông ra đời, phía Trung Quốc đã đưa ra một Bộ Quy tắc mới

hoàn toàn trái ngược với những nội dung và điều khoản trong Bộ Quy tắc được ASEAN và Trung Quốc đồng xây dựng trước đó. Điều này cho thấy, Trung Quốc sẽ không từ bỏ tham vọng của mình đối với vấn đề chủ quyền ở biển Đông. Bộ Quy tắc ứng xử thực chất chỉ là biện pháp xây dựng lòng tin giữa các bên liên quan, không đủ cơ sở pháp lý ràng buộc những tham vọng của Trung Quốc về các tranh chấp ở biển Đông. Những trở ngại này sẽ khiến cho Việt Nam khó có thể tận dụng được vai trò của Bộ Quy tắc trong quan hệ ASEAN - Trung Quốc để tìm kiếm các giải pháp có lợi cho Việt Nam đối với việc tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và cả chủ quyền toàn vẹn lãnh hải trên biển Đông.

3. Kết luận

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, tác động của quan hệ ASEAN - Trung Quốc đối với quan hệ Việt - Trung về tranh chấp chủ quyền trên biển trong giai đoạn này có nhiều yếu tố tác động tích cực như ASEAN đã tập hợp được sức mạnh khu vực trong việc xây dựng Tuyên bố về cách hành xử biển Đông trong quan hệ với Trung Quốc, tích cực lôi kéo Trung Quốc tham gia vào Diễn đàn ARF, ASEAN - Trung Quốc xây dựng được quan hệ đối tác chiến lược. Về khách quan, những hoạt động này đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nước

ASEAN giảm nhẹ nguy cơ tranh chấp nóng với Trung Quốc, trong đó có Việt Nam, đặt biệt đã mang lại một số thỏa thuận tích cực giữa Việt Nam với Trung Quốc. Việt Nam nên tận dụng được sức mạnh nội khối trong việc tìm kiếm tiếng nói chung cho các giai đoạn tranh chấp sau này, đó chính là quốc tế hóa biển Đông để tạo nên sức mạnh lan tỏa toàn khối. Mặt khác, với chính sách ngoại giao nước lớn, Trung Quốc không từ bỏ tham vọng độc chiếm biển Đông, vì thế trong quan hệ ngoại giao ASEAN - Trung Quốc, Việt Nam sẽ tận dụng lợi thế “*kênh đối ngoại đa phương*” của ASEAN trong tranh chấp trên biển giữa Việt Nam với Trung Quốc. Với phương châm ngoại giao “*Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển*”, trong quan hệ với khu vực, đặc biệt là ASEAN, cần làm rõ vai trò thực chất của tổ chức trong việc tìm kiếm tiếng nói chung với Trung Quốc về tranh chấp trên biển. Việt Nam cần khai thác các điểm hạn chế trong việc xây dựng tính đồng thuận của tổ chức, cơ chế Diễn đàn ARF, bởi thực chất ARF chỉ mang tính chất đối thoại, để giữ gìn hòa bình, an ninh cho khu vực, Tuyên bố về cách hành xử biển Đông giữa ASEAN với Trung Quốc (DOC) không thể ngăn chặn quá trình tranh chấp trên biển của Trung Quốc đối với Việt Nam trong giai đoạn này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Độ. (2002). *Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc những sự kiện 1991 - 2000*. Hà Nội: NXB. Khoa học Xã hội, tr.176 - 239.
2. Saw Swee Hock - Sheng Lijun - Chin Kin Wah. (2005). *Quan hệ ASEAN - Trung Quốc - thực tế và triển vọng*. Singapore: Viện Đông Nam châu Á, tr. 415.
3. Nhóm tác giả. (1989). *Chiến lược khai thác biển*. Hà Nội: NXB. Đại học Công nghiệp Vật lý Trung Hoa, (Bản dịch Tiếng Việt của Ban đối ngoại Trung ương), tr.119 - 120.
4. Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc từ năm 1986 đến năm 2006: Phạm Phúc Vĩnh. (2010). *Lược án Tiến sĩ Lịch sử*. Trường Đại học sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, tr. 45 - 78.
5. Lê Tuấn Thanh. (2007). Tác động của khu mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc tới quan hệ Việt - Trung. *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, 4, tr.2.
6. Nguyễn Hồng Thao. (2008). *Công ước biển 1982 và chiến lược biển của Việt Nam*. Hà Nội: NXB. Chính trị Quốc gia, tr.102.5.
7. Tuyên bố của ASEAN về biển Đông (27/8/1992). Thông Tấn xã Việt Nam, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, tr.1.
8. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia - Ủy ban Nhân dân tỉnh Lạng Sơn. (2002). *Quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, Nhìn lại 10 năm và triển vọng*. Hà Nội: NXB. Khoa học xã hội, tr. 47.